TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HN-ST
Ngày 24-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN -TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Ngoan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST- HN, ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1961; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp ĐM, xã PC, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Út M, sinh năm 1973;(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2019 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án nhân dân huyện T nguyên đơn ông Bùi Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Vào tháng 9 năm 2019 ông có xác lập quan hệ vợ chồng với bà Võ Thị Út M, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Lúc đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên bất đồng quan điểm sống và tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không còn quan tâm lẫn nhau nên đã ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung và nợ chung: Ông H khai không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Về tài sản chung và tài sản riêng: Ông H khai đã tự thỏa thuận chia xong nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

- Tại hồ sơ vụ án và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi đến Tòa án bị đơn bà Võ Thị Út M trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông Bùi Thanh H về tình trạng hôn nhân, về con chung, nợ chung, tài sản chung và tài sản riêng. Nay theo yêu cầu của ông H thì bà đồng ý ly hôn, vì bà nhận thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Về con chung và nợ chung: Bà M khai không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Về tài sản chung và tài sản riêng: Bà M khai đã tự thỏa thuận chia xong nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xét thấy đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Thanh H yêu cầu ly hôn bà Võ Thị Út M, đây là vụ kiện "*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn bà Võ Thị Út M có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện T, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn ông Bùi Thanh H và bà Võ Thị Út M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Bùi Thanh H và bà Võ Thị Út M xác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và trong quá trình chung sống ông, bà cũng thể hiện là một gia đình hạnh phúc, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng phát sinh có nhiều mâu thuẫn do hiểu lầm nhau dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông H, bà M đều thừa nhận hiện nay hai bên không còn tình cảm với nhau nên ông bà đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Tại hồ sơ vụ án ông H, bà M đều thống nhất thuận tình ly hôn nhưng Tòa án không công nhận sự thuận tình ly hôn đó, bởi vì việc kết hôn của ông H, bà M không đăng ký theo qui định của pháp luật.

Do ông H và bà M chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 9 năm 2019 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét xử bằng một bản án tuyên bố không công nhận ông H, bà M là vợ chồng.

[4]. *Về con chung và nợ chung*: Do ông H và bà M đều thống nhất khai không có con chung, nợ chung và ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung và tài sản riêng* : Do ông H và bà M đều thống nhất khai đã tự thỏa thuận chia xong và ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Bùi Thanh H phải chịu áp phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận ông Bùi Thanh H và bà Võ Thị Út M là vợ chồng.

2. *Về con chung và nợ chung*: Do ông H và bà M đều thống nhất khai không có con chung, nợ chung và ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung và tài sản riêng*: Do ông H và bà M đều thống nhất khai đã tự thỏa thuận chia xong và ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Ông Bùi Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.250.000 đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008490 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Hoàn trả lại cho ông H số tiền chêch lệch là 2.950.000 (*Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn)* đồng và nhận tại chi Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5 *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú của các đương sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

**** Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Ngoan